

**CÔNG TY CỔ PHẦN 397**

**BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ**

**Tên gói thầu: Mua sắm vật tư, phụ tùng máy xúc, máy gạt phục vụ sản xuất năm 2023 của Công ty cổ phần 397**

**Gói thầu số: 05**

**Kế hoạch mua sắm: Mua sắm vật tư, phụ tùng máy xúc, máy gạt phục vụ sản xuất năm 2023 của Công ty cổ phần 397**

**Phát hành ngày: 20/12/2022**

**Ban hành kèm theo Quyết định: 2156/QĐ-CT397 ngày 20/12/2022**

**BÊN MỜI THẦU**

**GIÁM ĐỐC**



**Kiều Văn Sinh**

## TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Bên mời thầu	Công ty cổ phần 397
Kế hoạch	Mua sắm vật tư, phụ tùng máy xúc, máy gạt phục vụ sản xuất năm 2023 của Công ty cổ phần 397
Luật đấu thầu	Luật đấu thầu số 43/2013/QH13
Nghị định 63/CP	Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu

## **Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ**

### **Mục 1. Khái quát**

1. Tên bên mời thầu là: Công ty Cổ phần 397
2. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh rút gọn (nộp báo giá) Gói thầu số 05: Mua sắm vật tư, phụ tùng máy xúc, máy gạt phục vụ sản xuất năm 2023 của Công ty cổ phần 397. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.
3. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

### **Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu**

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
6. Đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
7. Nhà thầu có tư cách hợp lệ đáp ứng đầy đủ các tiêu chí 1,2,3,4,5,6 Mục 2 này được tham dự thầu với tư cách độc lập hoặc liên danh; trường hợp liên danh phải có văn bản thỏa thuận giữa các thành viên, trong đó nêu rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm riêng của từng thành viên trong liên danh.

### **Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá**

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 03a, Mẫu 03a(1) Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

#### **Mục 4. Thành phần báo giá**

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Biểu giá theo Mẫu số 03a , Mẫu 03a(1) Chương III;
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao);
4. Bản xác nhận đăng ký thông tin trên hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia.

#### **Mục 5. Thời hạn hiệu lực của báo giá**

Thời gian có hiệu lực của báo giá là 20 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

#### **Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá**

1. Nhà thầu phải nộp báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử hoặc fax về địa chỉ: Công ty Cổ phần 397, khu Yên Lãng 1, phường Yên Thọ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, TEL: 0203.2211.329- FAX: 0203.871.299 không muộn hơn 09 giờ 00 ngày 26/12/2022. Các báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

#### **Mục 7. Điều kiện xét duyệt trúng thầu**

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

#### **Mục 8. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu**

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax và được đăng tải trên website của Công ty cổ phần 397 tại

địa chỉ <https://congtycophan397.com.vn>

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

#### **Mục 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng như sau: giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 2% giá trị hợp đồng, bằng tiền mặt hoặc thư bảo lãnh ngân hàng.

#### **Mục 10. Giải quyết kiến nghị**

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII của Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

## Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

### Bảng số 1. Yêu cầu cung cấp hàng hóa

Nhà thầu phải cung cấp hàng hóa theo đúng nội dung nêu tại bảng sau trong vòng 180 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

STT	Danh mục vật tư, hàng hóa	Mã danh điểm	Đơn vị tính	Số lượng	Chất lượng	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Máy gạt D85EX-15R</b>					
1	Ga lê đỡ	154-30-01040	Cái	2	Mới 100%	
2	Ga lê tỳ 4 gờ	154-30-01030	Cái	3	Mới 100%	
3	Ga lê tỳ 2 gờ	154-30-01020	Cái	3	Mới 100%	
4	Vành sao (Bộ = 9 miếng)	US216K327	Bộ	2	Mới 100%	
5	Bu lông xích M22x65		Cái	330	Mới 100%	
6	Lưỡi ben - 6 lỗ	154-81-11191	Cái	3	Mới 100%	
7	Lưỡi ben - 8 lỗ	154-70-11314	Cái	3	Mới 100%	
8	Lưỡi góc phải	150-70-21346	Cái	3	Mới 100%	
9	Lưỡi góc trái	150-70-21356	Cái	3	Mới 100%	
10	Bu lông sao M22x70		Cái	50	Mới 100%	
11	Bu lông lưỡi ben M20x70		Cái	100	Mới 100%	
<b>II</b>	<b>Máy gạt D155A-2</b>					
1	Ga lê đỡ	175-30-00515	Cái	2	Mới 100%	
2	Ga lê tỳ 4 gờ	175-30-00770	Cái	2	Mới 100%	
3	Ga lê tỳ 2 gờ	175-30-00760	Cái	2	Mới 100%	
4	Vành sao (Bộ = 9 miếng)	US228K027	Bộ	2	Mới 100%	
5	Bu lông xích M24x80		Cái	300	Mới 100%	
6	Bu lông sao M24x81		Cái	50	Mới 100%	
7	Bu lông lưỡi ben M24x90		Cái	100	Mới 100%	
8	Lưỡi ben	175-70-26310	Cái	9	Mới 100%	
9	Lưỡi góc trái	175-71-22272	Cái	3	Mới 100%	
10	Lưỡi góc phải	175-71-22282	Cái	3	Mới 100%	
<b>III</b>	<b>Máy gạt D7R</b>					
1	Ga lê đỡ	9M0638	Cái	6	Mới 100%	
2	Ga lê tỳ 2 gờ	9S0316	Cái	15	Mới 100%	
3	Ga lê tỳ 4 gờ	9S0317	Cái	15	Mới 100%	
4	Vành sao (Bộ = 5 miếng)	9W0074	Bộ	6	Mới 100%	
5	Bu lông xích	7H3599	Cái	330	Mới 100%	
6	Ê cu bắt xích	2S2140	Cái	330	Mới 100%	
7	Bu lông lưỡi ben M22x75		Cái	200	Mới 100%	
8	Bu lông bắt vành sao	5P7665	Cái	120	Mới 100%	
9	Ê cu bắt vành sao	7H3608	Cái	120	Mới 100%	
10	Bánh dẫn hướng	1592086F	Cái	2	Mới 100%	
11	Bánh dẫn hướng	6Y2031	Cái	2	Mới 100%	
12	Lưỡi ben	7T6678	Cái	27	Mới 100%	
13	Lưỡi ben	7T6936	Cái	27	Mới 100%	
14	Lưỡi góc trái	9W6198	Cái	9	Mới 100%	

STT	Danh mục vật tư, hàng hóa	Mã danh điểm	Đơn vị tính	Số lượng	Chất lượng	Ghi chú
15	Lưỡi góc phải	9W6199	Cái	9	Mới 100%	
<b>IV</b>	<b>Máy xúc PC450</b>					
1	Vành sao	208-27-61210	Cái	2	Mới 100%	
2	Ga lê tỳ	208-30-00210	Cái	4	Mới 100%	
3	Ga lê đỡ	207-30-00550	Cái	2	Mới 100%	
4	Bánh dẫn hướng	208-30-00200	Cái	2	Mới 100%	
5	Bu lông ga lê tỳ M22x110		Cái	50	Mới 100%	
6	Bu lông xích M24x72		Cái	100	Mới 100%	
7	Bu lông sao M20x55		Cái	40	Mới 100%	
8	Răng gầu đảo đá	ETE-2400RC	Cái	40	Mới 100%	
9	Chốt răng gầu PC450		Cái	60	Mới 100%	
10	Lợi gầu	208-939-3120-A	Cái	2	Mới 100%	
<b>V</b>	<b>Máy xúc PC750, PC850</b>					
1	Vành sao	209-27-51173	Cái	2	Mới 100%	
2	Ga lê tỳ	209-30-00191	Cái	6	Mới 100%	
3	Ga lê đỡ	209-30-00300	Cái	2	Mới 100%	
4	Bu lông ga lê tỳ	01011-62760	Cái	50	Mới 100%	
5	Bu lông xích	195-32-11210	Cái	100	Mới 100%	
6	Ê cu bắt xích	195-32-11221	Cái	100	Mới 100%	
7	Bu lông xích M27x90		Cái	10	Mới 100%	
8	Bu lông sao	01010-82475	Cái	35	Mới 100%	
9	Bánh dẫn hướng	209-30-00014	Cái	2	Mới 100%	
10	Răng gầu (chốt dẹt)	K85RC	Cái	65	Mới 100%	
11	Răng gầu (chốt tròn)	X-0850SP	Cái	50	Mới 100%	
12	Chốt răng gầu	K85PN	Cái	80	Mới 100%	
13	Chốt răng gầu PC750/PC850		Cái	60	Mới 100%	
14	Lợi gầu	74140	Cái	3	Mới 100%	
15	Lợi gầu	K85	Cái	3	Mới 100%	
<b>VI</b>	<b>Máy xúc PC1250</b>					
1	Vành sao	21N-27-31191	Cái	4	Mới 100%	
2	Bánh dẫn hướng	21N-30-00110	Cái	2	Mới 100%	
3	Bu lông sao	01010-82475	Cái	150	Mới 100%	
4	Bu lông xích	21N-32-31211	Cái	400	Mới 100%	
5	Ê cu bắt xích	198-32-31220	Cái	400	Mới 100%	
6	Ga lê tỳ	21N-30-00121	Cái	6	Mới 100%	
7	Ga lê đỡ	21N-30-00130	Cái	4	Mới 100%	
8	Răng gầu (chốt dẹt)	XS115RC	Cái	240	Mới 100%	
9	Răng gầu (chốt tròn)	X-1250SP	Cái	50	Mới 100%	
10	Chốt răng gầu	XS115	Cái	260	Mới 100%	
11	Chốt răng gầu PC1250		Cái	65	Mới 100%	
12	Lưỡi cắt thành gầu	CU-PC650	Cái	46	Mới 100%	
13	Lợi gầu	14140	Cái	2	Mới 100%	
14	Lợi gầu	XS115	Cái	4	Mới 100%	

**\* Yêu cầu khác**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Yêu cầu</b>
1	Thời gian giao hàng	Theo yêu cầu của bên mời thầu trong vòng 365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (nhà thầu ghi rõ thời gian giao hàng đối với từng đợt theo yêu cầu của bên mời thầu)
2	Địa điểm giao hàng	Tại kho vật tư Công ty Cổ phần 397
3	Thời gian thanh toán	Thanh toán bằng chuyển khoản trong vòng 45 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn của từng đợt giao hàng, với điều kiện bên bán đã cung cấp đầy đủ giấy tờ liên quan bao gồm: Hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận hàng hóa, CO/CQ đối với hàng hóa nhập khẩu và các giấy tờ cần thiết khác.
4	Năm sản xuất	Ghi rõ năm sản xuất từng mục hàng hóa
5	Chất lượng hàng hóa	Hàng mới 100% đúng quy cách chủng loại.
6	Bảo hành	Hàng hóa được bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Trong trường hợp được bảo hành. Yêu cầu nhà thầu chào chi tiết từng mục bảo hành cho hàng hóa theo thời gian hoặc giờ hoạt động kể từ thời điểm bàn giao hàng, tùy theo điều kiện nào đến trước
7	Xuất xứ hàng hóa	Nêu rõ hãng sản xuất hoặc nước sản xuất, Có giấy ủy quyền phân phối sản phẩm chính hãng hoặc giấy chứng nhận đại lý cấp 1 của hãng sản xuất hoặc tài liệu khác chứng minh nhà cung cấp là đơn vị đại diện cho Hãng sản xuất cung cấp sản phẩm tại Việt Nam

Các nhà thầu phải đáp ứng được tất cả các yêu cầu nêu trên thì mới được đánh giá là đạt.

## Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

### ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: \_\_\_\_\_ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Tên kế hoạch: \_\_\_\_\_ [Ghi tên kế hoạch]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số \_\_\_\_\_ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, \_\_\_\_\_ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là \_\_\_\_\_ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là \_\_\_\_\_ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian \_\_\_\_\_ ngày, kể từ ngày \_\_\_\_\_ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Giá chào</b>
1	Hàng hoá	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
<b>Tổng cộng giá chào</b> <i>(Kết chuyển sang đơn chào hàng)</i>		<b>(M) + (I)</b>

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**  
*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Mẫu số 03a(1)

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

STT	Danh mục hàng hóa	Mã danh điểm	Đvt	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Đơn giá	Thành tiền (Cột 5x8)	Bảo hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
<b>I</b>	<b>Máy gặt D85EX-15R</b>								
1	Ga lê đỡ	154-30-01040	Cái	2					
2	Ga lê tỳ 4 gờ	154-30-01030	Cái	3					
3	Ga lê tỳ 2 gờ	154-30-01020	Cái	3					
4	Vành sao (Bộ = 9 miếng)	US216K327	Bộ	2					
5	Bu lông xích M22x65		Cái	330					
6	Lưỡi ben - 6 lỗ	154-81-11191	Cái	3					
7	Lưỡi ben - 8 lỗ	154-70-11314	Cái	3					
8	Lưỡi góc phải	150-70-21346	Cái	3					
9	Lưỡi góc trái	150-70-21356	Cái	3					
10	Bu lông sao M22x70		Cái	50					
11	Bu lông lưỡi ben M20x70		Cái	100					
<b>II</b>	<b>Máy gặt D155A-2</b>								
1	Ga lê đỡ	175-30-00515	Cái	2					
2	Ga lê tỳ 4 gờ	175-30-00770	Cái	2					
3	Ga lê tỳ 2 gờ	175-30-00760	Cái	2					
4	Vành sao (Bộ = 9 miếng)	US228K027	Bộ	2					
5	Bu lông xích M24x80		Cái	300					
6	Bu lông sao M24x81		Cái	50					
7	Bu lông lưỡi ben M24x90		Cái	100					
8	Lưỡi ben	175-70-26310	Cái	9					
9	Lưỡi góc trái	175-71-22272	Cái	3					
10	Lưỡi góc phải	175-71-22282	Cái	3					
<b>III</b>	<b>Máy gặt D7R</b>								
1	Ga lê đỡ	9M0638	Cái	6					
2	Ga lê tỳ 2 gờ	9S0316	Cái	15					
3	Ga lê tỳ 4 gờ	9S0317	Cái	15					
4	Vành sao (Bộ = 5 miếng)	9W0074	Bộ	6					
5	Bu lông xích	7H3599	Cái	330					
6	Ê cu bắt xích	2S2140	Cái	330					
7	Bu lông lưỡi ben M22x75		Cái	200					
8	Bu lông bắt vành sao	5P7665	Cái	120					
9	Ê cu bắt vành sao	7H3608	Cái	120					
10	Bánh dẫn hướng	1592086F	Cái	2					
11	Bánh dẫn hướng	6Y2031	Cái	2					
12	Lưỡi ben	7T6678	Cái	27					
13	Lưỡi ben	7T6936	Cái	27					
14	Lưỡi góc trái	9W6198	Cái	9					
15	Lưỡi góc phải	9W6199	Cái	9					
<b>IV</b>	<b>Máy xúc PC450</b>								
1	Vành sao	208-27-61210	Cái	2					
2	Ga lê tỳ	208-30-00210	Cái	4					
3	Ga lê đỡ	207-30-00550	Cái	2					
4	Bánh dẫn hướng	208-30-00200	Cái	2					

STT	Danh mục hàng hóa	Mã danh điểm	Đvt	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Đơn giá	Thành tiền (Cột 5x8)	Bảo hành
5	Bu lông ga lê tỳ M22x110		Cái	50					
6	Bu lông xích M24x72		Cái	100					
7	Bu lông sao M20x55		Cái	40					
8	Răng gầu đảo đá	ETE-2400RC	Cái	40					
9	Chốt răng gầu PC450		Cái	60					
10	Lợi gầu	208-939-3120-A	Cái	2					
<b>V</b>	<b>Máy xúc PC750, PC850</b>								
1	Vành sao	209-27-51173	Cái	2					
2	Ga lê tỳ	209-30-00191	Cái	6					
3	Ga lê đỡ	209-30-00300	Cái	2					
4	Bu lông ga lê tỳ	01011-62760	Cái	50					
5	Bu lông xích	195-32-11210	Cái	100					
6	Ê cu bắt xích	195-32-11221	Cái	100					
7	Bu lông xích M27x90		Cái	10					
8	Bu lông sao	01010-82475	Cái	35					
9	Bánh dẫn hướng	209-30-00014	Cái	2					
10	Răng gầu (chốt dẹt)	K85RC	Cái	65					
11	Răng gầu (chốt tròn)	X-0850SP	Cái	50					
12	Chốt răng gầu	K85PN	Cái	80					
13	Chốt răng gầu PC750/PC850		Cái	60					
14	Lợi gầu	74140	Cái	3					
15	Lợi gầu	K85	Cái	3					
<b>VI</b>	<b>Máy xúc PC1250</b>								
1	Vành sao	21N-27-31191	Cái	4					
2	Bánh dẫn hướng	21N-30-00110	Cái	2					
3	Bu lông sao	01010-82475	Cái	150					
4	Bu lông xích	21N-32-31211	Cái	400					
5	Ê cu bắt xích	198-32-31220	Cái	400					
6	Ga lê tỳ	21N-30-00121	Cái	6					
7	Ga lê đỡ	21N-30-00130	Cái	4					
8	Răng gầu (chốt dẹt)	XS115RC	Cái	240					
9	Răng gầu (chốt tròn)	X-1250SP	Cái	50					
10	Chốt răng gầu	XS115	Cái	260					
11	Chốt răng gầu PC1250		Cái	65					
12	Lưỡi cắt thành gầu	CU-PC650	Cái	46					
13	Lợi gầu	14140	Cái	2					
14	Lợi gầu	XS115	Cái	4					
<b>Tổng cộng giá chào của hàng hoá dịch vụ đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) (Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</b>									

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**  
*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

- Các cột (6), (7), (8) (9), (10) do nhà thầu chào.
- Đơn giá tại cột (8) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của bên mời thầu, trong đó bao gồm các phí, lệ phí (nếu có). Khi tham gia chào hàng cạnh tranh, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

## Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Hợp đồng số: \_\_\_\_\_

Gói thầu: \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc kế hoạch: \_\_\_\_\_ [Ghi tên kế hoạch]

- Căn cứ<sup>(1)</sup> \_\_\_\_ [Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005];

- Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13];

- Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP];

- Căn cứ \_\_\_\_ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu \_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] của \_\_\_\_ [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu ký ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

**Bên mời thầu (sau đây gọi là Bên A)**

Bên mời thầu [Ghi tên bên mời thầu]: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (trường

<sup>2</sup> Cập nhật văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

*hợp được ủy quyền).*

**Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)**

Tên nhà thầu [*Ghi tên nhà thầu trúng thầu*]: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (*trường hợp được ủy quyền*) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

**Điều 1. Đối tượng hợp đồng, thời gian, địa điểm giao hàng và chất lượng hàng hóa**

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ theo danh mục được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Thời gian giao hàng: Theo yêu cầu của bên mời thầu trong vòng 365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Tiến độ giao hàng : Trong vòng 03 ngày ngay sau khi hợp đồng có hiệu lực. Hàng hóa được giao từng đợt theo yêu cầu của bên mời thầu.

Địa điểm giao hàng: Tại kho vật tư Công ty Cổ phần 397- khu Nam Trảng Bạch, phường Hoàng Quế, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

Chất lượng hàng hóa: Hàng mới 100% đúng quy cách chủng loại. Sản xuất năm 2022 và/ hoặc 2023.

**Điều 2. Thành phần hợp đồng**

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Báo giá và các văn bản làm rõ báo giá của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
5. Bản yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ bản yêu cầu báo giá (nếu

có);

6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

**Điều 3. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán**

1. Giá hợp đồng: \_\_\_\_\_ đồng

Bằng chữ :

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán

b) Thời hạn thanh toán

c) Số lần thanh toán

**Điều 4. Loại hợp đồng:** Theo đơn giá cố định

**Điều 5. Thời gian thực hiện hợp đồng**

Thời gian thực hiện hợp đồng : 365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

**Điều 6. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng**

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

*[Ghi các trường hợp mà hợp đồng có thể được điều chỉnh cho phù hợp với tính chất của gói thầu]*

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

**Điều 7. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời gian nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: trong vòng \_\_\_\_\_ (\_\_\_\_\_) ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng được ký kết.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng : \_\_\_\_\_ đồng (Bằng chữ : \_\_\_\_\_) tương đương 2% giá trị hợp đồng.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng : \_\_\_\_\_ ngày.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A ; Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia

hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

### **Điều 8. Chấm dứt hợp đồng**

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

### **Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của các bên:**

1. Quyền và nghĩa vụ của bên A:

a). *Quyền:*

- Yêu cầu bên B cung cấp hàng hóa, dịch vụ đúng số lượng, chất lượng, địa điểm, thời gian đã cam kết trong hợp đồng.

- Khiếu nại về chất lượng hàng hóa, dịch vụ nếu phát hiện chất lượng, nguồn gốc không đảm bảo như tiêu chuẩn thỏa thuận trong Hợp đồng;

- Yêu cầu Bên B cung cấp đầy đủ các chứng từ, hồ sơ liên quan đến hàng hóa;

b). *Nghĩa vụ:*

- Thanh toán đúng thời hạn đã ghi trong Hợp đồng. Trường hợp, thanh toán chậm hơn thời gian quy định nêu trên, bên A sẽ phải thanh toán cho bên B lãi suất cho số tiền trả chậm theo mức xác định bằng lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam quy định tại thời điểm thanh toán. Tuy nhiên thời gian thanh toán chậm không được quá 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày phát sinh

số lãi suất thanh toán chậm;

- Tiếp nhận, kiểm nhập (kiểm tra chất lượng) hàng hóa nhanh chóng, kịp thời.

## **2. Quyền và nghĩa vụ của bên B:**

### *a). Quyền:*

Được quyền yêu cầu Bên A thanh toán tiền hàng theo đúng thời hạn và phương thức thanh toán như quy định tại Điều 3 Hợp đồng này;

### *b). Nghĩa vụ:*

- Giao hàng đúng số lượng, chất lượng, địa điểm, thời gian thỏa thuận theo hợp đồng. Trường hợp giao hàng chậm so với thời gian quy định nêu trên, bên B sẽ phải chịu phạt chậm giao hàng. Giá trị phạt giao chậm được xác định như sau:

$$- \text{Gptđ} = (\text{T th} - \text{Ths}) \times \text{GC} \times \text{R} \times 1,5$$

Gptđ: Giá trị phạt giao hàng chậm

Tth: Thời gian bên bán hoàn thành việc giao hàng (ngày);

Ths: Thời gian nhận hàng theo thông báo của bên A (ngày);

GC: Giá trị hàng hóa giao chậm;

R: Lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam tại thời điểm giao hàng chậm.

- Tuy nhiên thời gian giao hàng chậm không được quá 05 (năm) ngày và giá trị phạt giao hàng chậm không vượt quá 8% (tám phần trăm) giá trị hàng hóa giao chậm;

- Giải quyết các khiếu nại về chất lượng hàng hóa, dịch vụ cho bên A nếu bên A phát hiện chất lượng, nguồn gốc không đảm bảo như tiêu chuẩn thỏa thuận trong Hợp đồng;

- Cung cấp đầy đủ các chứng từ, hồ sơ liên quan đến hàng hóa cho bên A.

## **Điều 10. Tính hợp lệ của hàng hóa**

Bên B phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

## **Điều 11. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa**

1. Bên B phải cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo) theo tiến độ nêu trong hồ sơ yêu cầu, cụ thể là: Đối với các hàng hóa có nguồn gốc nước ngoài, nhà thầu phải cung cấp 01 bản chính Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá hoặc cung cấp bản sao y có công chứng, bản sao vận đơn thể hiện tên hàng theo hợp đồng. Các tài liệu kỹ thuật và thương mại phù hợp theo qui định của hợp đồng đã được

Bên A chấp thuận.

2. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: Hàng hóa được giao tại kho bên A, địa chỉ : Kho vật tư, kho nhiên liệu dầu mỡ phụ - Công ty CP 397, Tràng Bạch, Hoàng Quế, Đông Triều, Quảng Ninh. Bên B chịu trách nhiệm bốc hàng từ phương tiện vận chuyển của mình xuống kho của Bên A, với địa điểm do bên A chỉ định. Bản chính của hóa đơn hợp lệ được giao cho Bên A khi giao hàng.

3. Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm: Thời gian, địa điểm, cách thức tiến hành, chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm theo yêu cầu bên A.

### **Điều 12. Bản quyền và bảo hiểm hàng hóa**

1. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

2. Hàng hóa do Bên B cung cấp phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình vận chuyển, lưu kho và giao hàng như sau: Những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho của bên B và giao hàng do Bên B chịu.

### **Điều 13. Bảo hành**

1. Bên B bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo và sẽ không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa.

2. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa như sau: Hàng hóa được bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Trong trường hợp được bảo hành thời gian bảo hành là 6 tháng hoặc 2000 giờ kể từ thời điểm bàn giao hàng, tùy theo điều kiện nào đến trước.

### **Điều 14. Bất khả kháng**

Nhà Cung Cấp không có trách nhiệm khi không thể cung cấp hàng vì những lý do như dịch bệnh, bạo động, nội chiến, chiến tranh có tuyên chiến hay không, tai nạn, rút ngắn giờ lao động, đình công, đóng cửa nhà máy, cơ sở sản xuất bị sự cố, bên thứ ba không cung cấp nguyên liệu hoặc hàng hóa, bão lụt, hỏa hoạn hoặc bất cứ hoàn cảnh nào khác, dù nằm trong các trường hợp trên hay không, song ngoài khả năng kiểm soát của Nhà Cung Cấp. Tuy nhiên, Nhà Cung Cấp sẽ không được miễn trách nhiệm thực hiện công tác bảo hành hoặc cung cấp hàng, cũng như Khách Hàng không thể không chấp nhận cho Nhà Cung Cấp thực hiện các công việc này khi những lý do ngăn cản việc thực hiện việc cung cấp hàng phải đình lại

### **Điều 15. Điều khoản chung.**

1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều kiện, điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này. Không được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng. Mọi sửa đổi, bổ sung hợp đồng phải được hai bên thống nhất và lập thành phụ lục hợp đồng. Phụ lục hợp đồng là một phần không tách rời của hợp đồng.

2. Trường hợp quá trình thực hiện nếu có khó khăn trở ngại phát sinh, hai bên phải thông báo cho nhau bằng văn bản để cùng nhau tìm biện pháp giải quyết trên cơ sở đảm bảo lợi ích chung.

3. Trường hợp các bên không tự thương lượng, hòa giải được thì sự việc tranh chấp sẽ được trình lên Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC)- Trụ sở tại Hà Nội (Tòa nhà VCCI số 9 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Hà Nội) để giải quyết. Phán quyết của VIAC là quyết định cuối cùng buộc các bên phải tuân theo. Bên có lỗi chịu mọi chi phí.

Điều 16. Hiệu lực hợp đồng.

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày / /2023.

2. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày hợp đồng hết hiệu lực giao nhận hàng hóa và không phát sinh tranh chấp, hai bên tiến hành lập thủ tục thanh lý hợp đồng.

Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản để làm cơ sở thực hiện./.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA  
NHÀ THẦU**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA  
BÊN MỜI THẦU**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**PHỤ LỤC**  
**BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG**

(Kèm theo hợp đồng số \_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_)

*[Phụ lục này được lập trên cơ sở bản yêu cầu báo giá, báo giá của nhà thầu và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá theo Mẫu số 03a (bao gồm Mẫu số 03a, Mẫu số 03a(1)) trong bản yêu cầu báo giá này].*

## MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG<sup>(1)</sup>

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [Ghi tên bên mời thầu]

(sau đây gọi là bên mời thầu)

Theo đề nghị của \_\_\_\_ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu \_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hoá cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);<sup>(2)</sup>

Theo quy định trong bản yêu cầu báo giá (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho bên mời thầu bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_ [Ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_ [Ghi địa chỉ của ngân hàng<sup>(3)</sup>] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là \_\_\_\_ [Ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho bên mời thầu bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn \_\_\_\_ [Ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của bên mời thầu thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_<sup>(4)</sup>.

### **Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

### **Ghi chú:**

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì bên mời thầu sẽ báo cáo chủ đầu tư/bên mời thầu xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của \_\_\_\_ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu \_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số \_\_\_\_ [Ghi số hợp đồng] ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.